

CẬP NHẬT KẾT QUẢ KINH DOANH QUÝ 1/2024

CTCP Thế giới số

Ngày 31/03/2024	66,100 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	12.0%	25.9%	16.1%

DT thuần Q1/24
4,985
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 136 2.8%
YoY: ▲ 1,025 25.9%

LN thuần Q1/24
121
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 1.00 0.9%
YoY: ▲ 16.0 15.3%

LN sau thuế Q1/24
93.2
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.00 3.3%
YoY: ▲ 11.3 13.8%

Tỷ suất lãi EBIT Q1/24
2.7%
YoY: +/- ▼ 0.2%

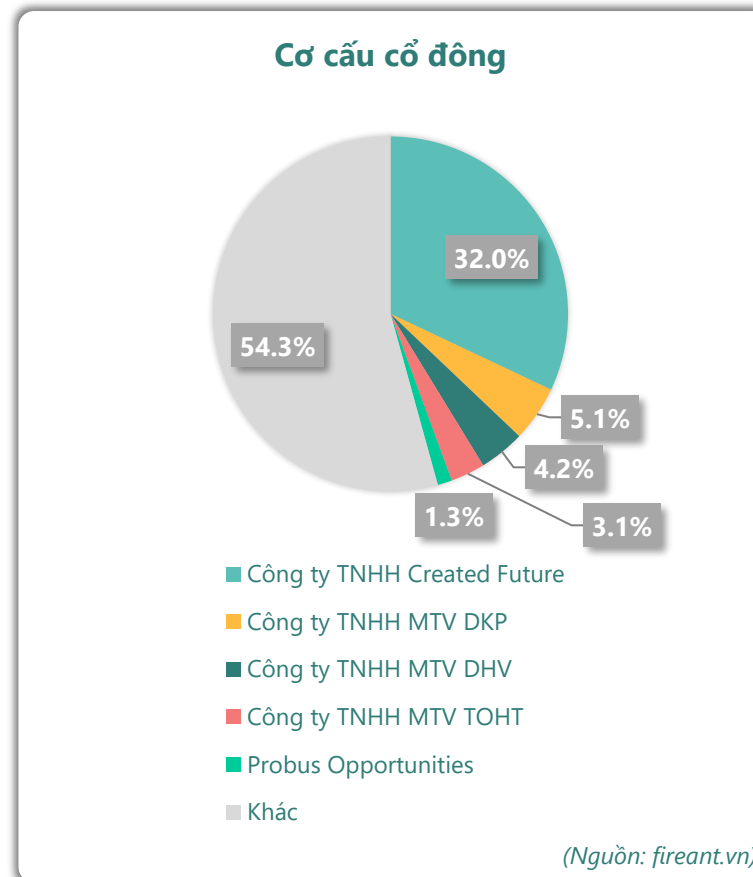
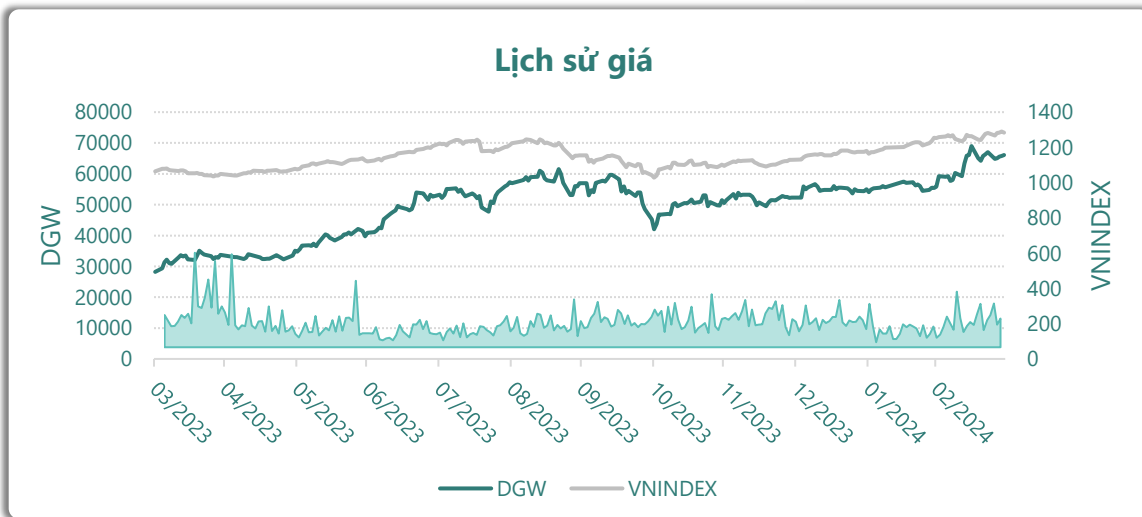
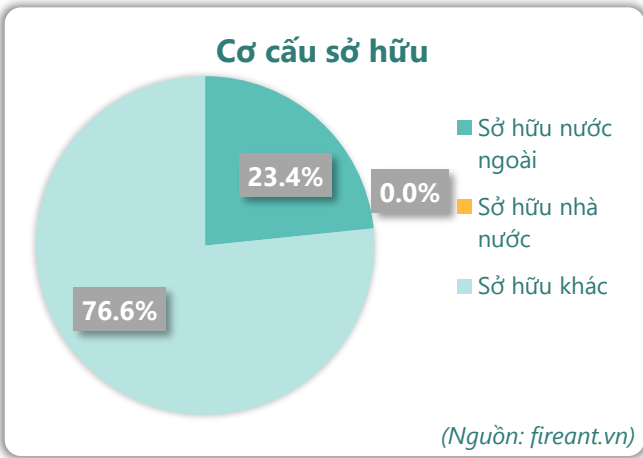
ROE (TTM) Q1/24
14.1%
YoY: +/- ▲ 0.0%

Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	28,227 - 69,000
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	11,042
Số lượng CPLH (CP)	167,053,274
KLGD BQ 20 phiên (CP)	3,351,030
Sở hữu nước ngoài	23.4%
Beta	1.86
EPS	2,200
P/E	30.0

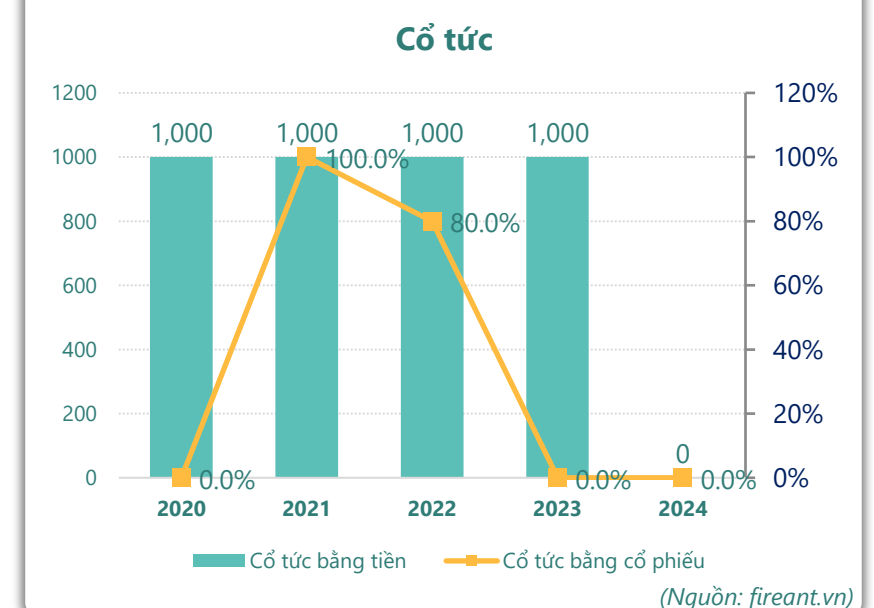
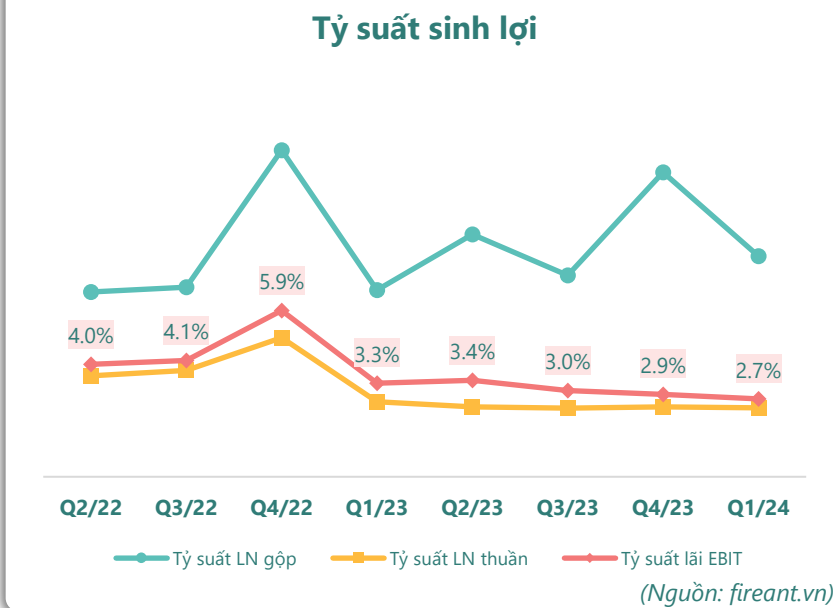
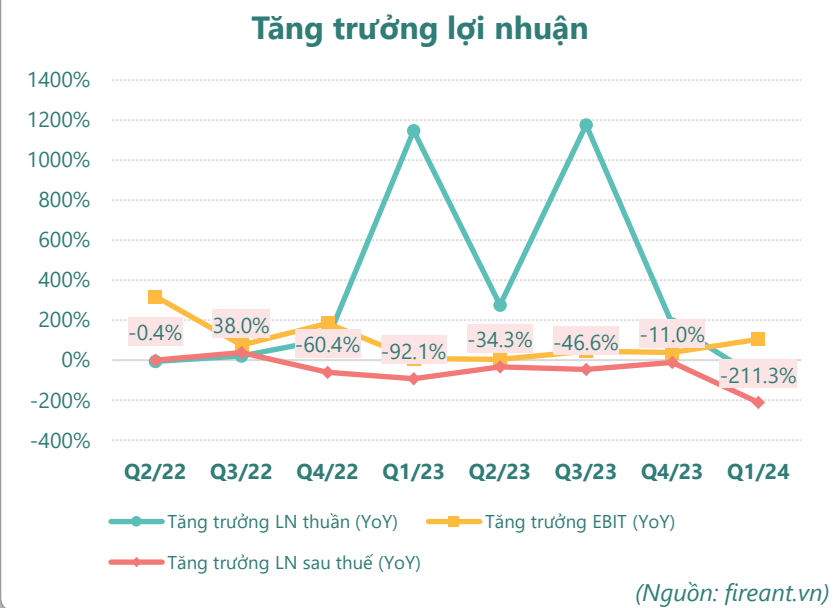
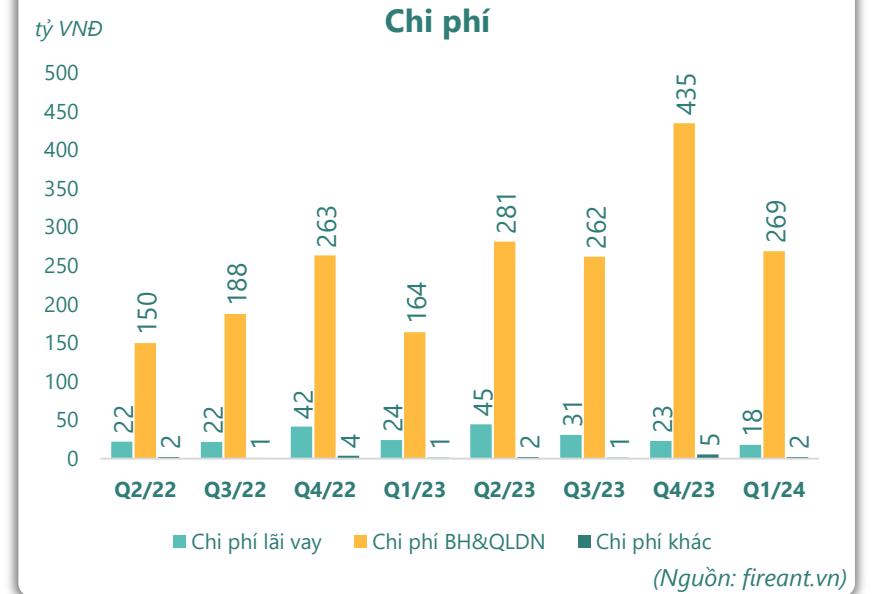
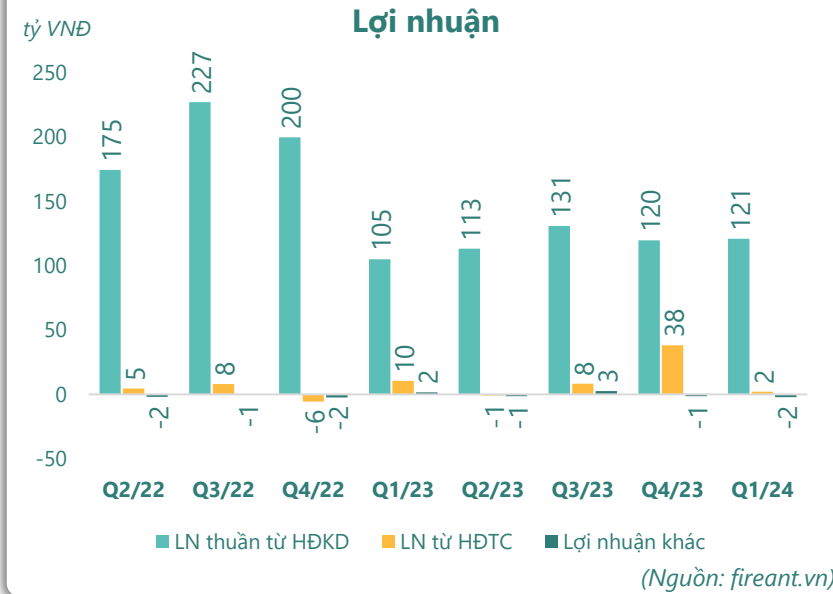
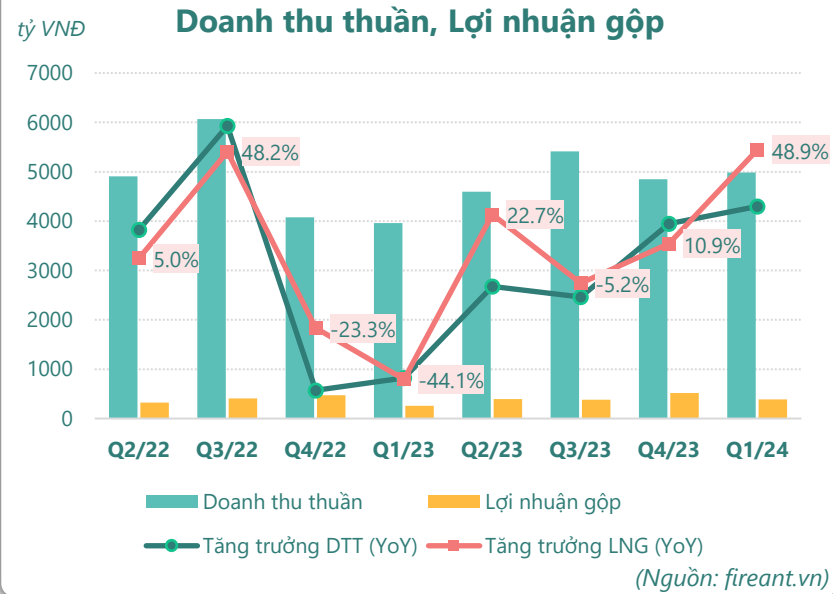
DT thuần 2023
18,817
tỷ VNĐ
YoY: ▼3,211 -14.6%

LN thuần 2023
469
tỷ VNĐ
YoY: ▼399 -45.9%

LN sau thuế 2023
363
tỷ VNĐ
YoY: ▼321 -47.0%



KẾT QUẢ KINH DOANH



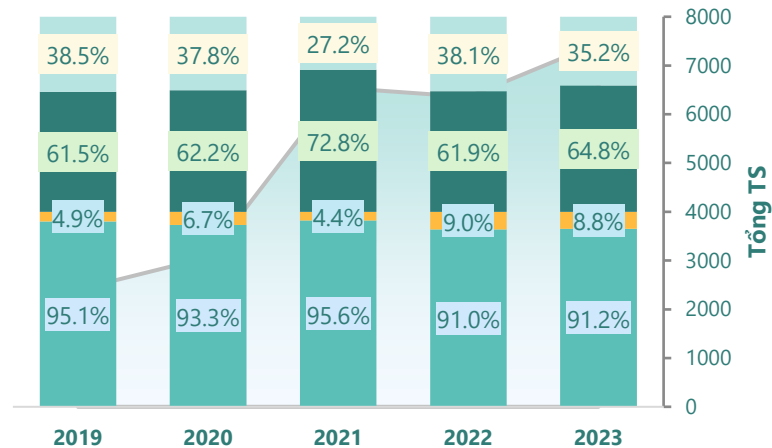


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ

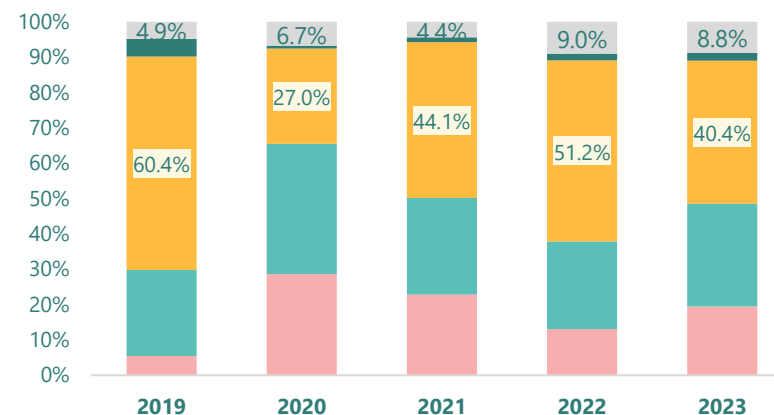
Tổng TS



Tổng tài sản TS ngắn hạn TS dài hạn Nợ phải trả Nguồn VCSH

(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS

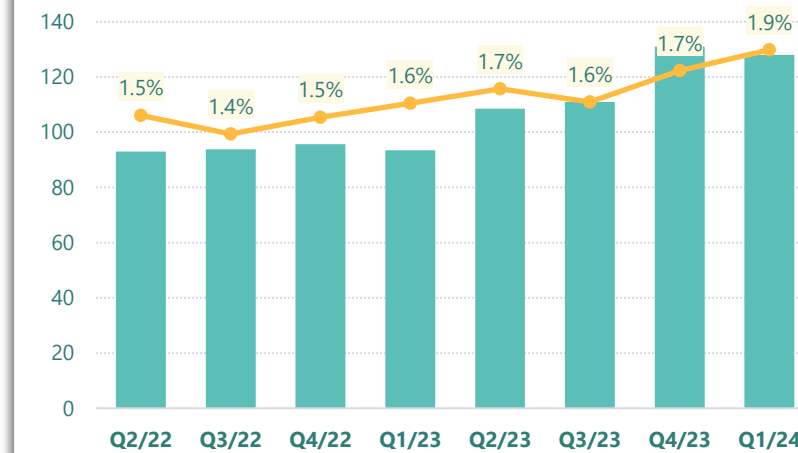


Tiền và ĐĐ tiền Đầu tư TC ngắn hạn Phải thu ngắn hạn Hàng tồn kho TSNH khác TS dài hạn

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

tỷ VNĐ

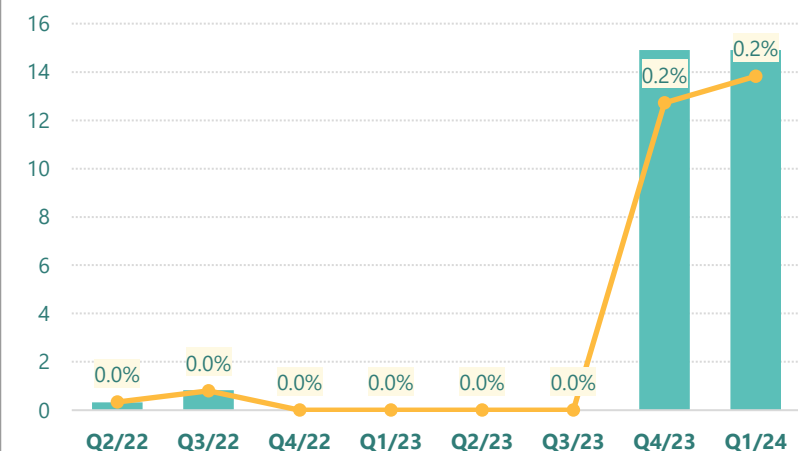


Tài sản cố định TSCĐ/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

tỷ VNĐ

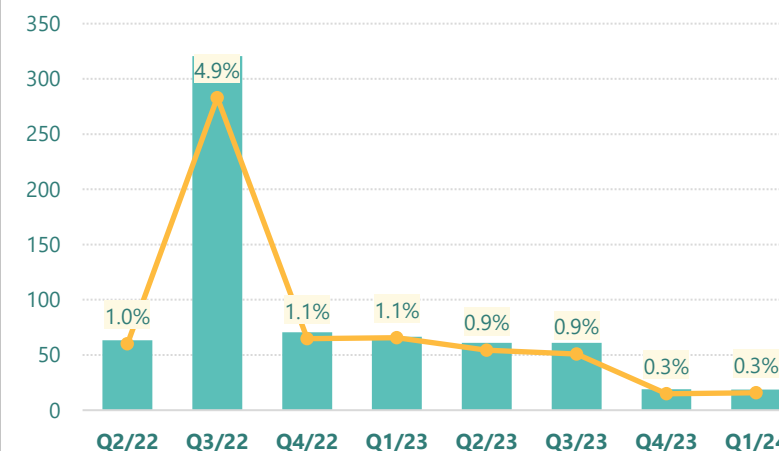


Tài sản dở dang TSDD dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

tỷ VNĐ

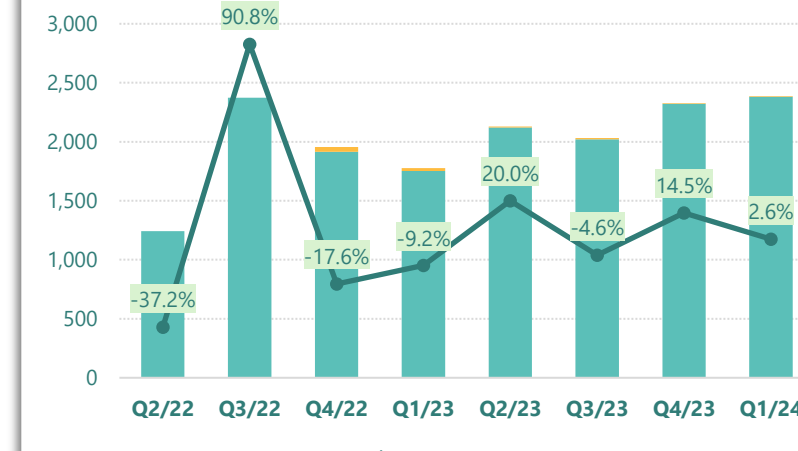


Đầu tư tài chính dài hạn ĐTTC dài hạn/Tổng TS

(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

tỷ VNĐ



Vay và nợ thuê ngắn hạn Vay và nợ thuê dài hạn

Tăng trưởng nợ vay

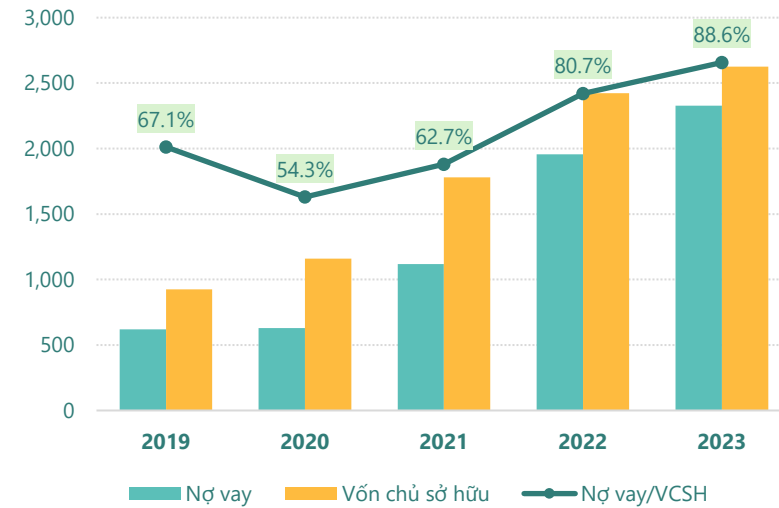
(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG

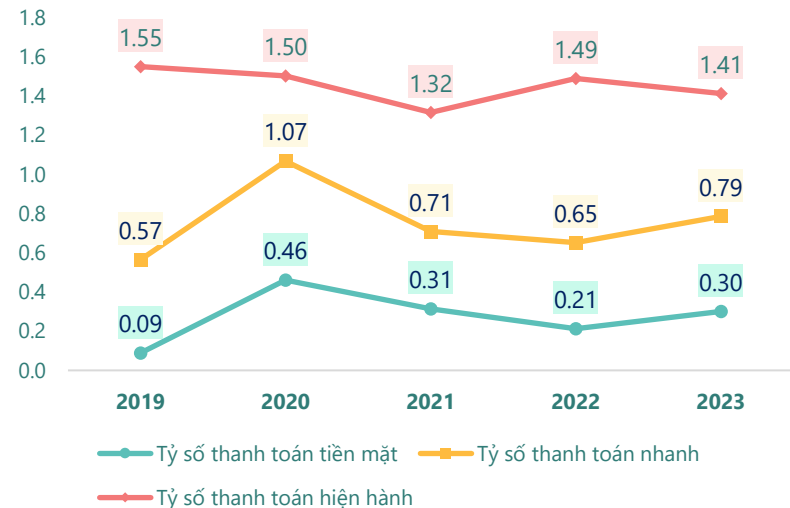
Nợ vay/VCSH

tỷ VNĐ



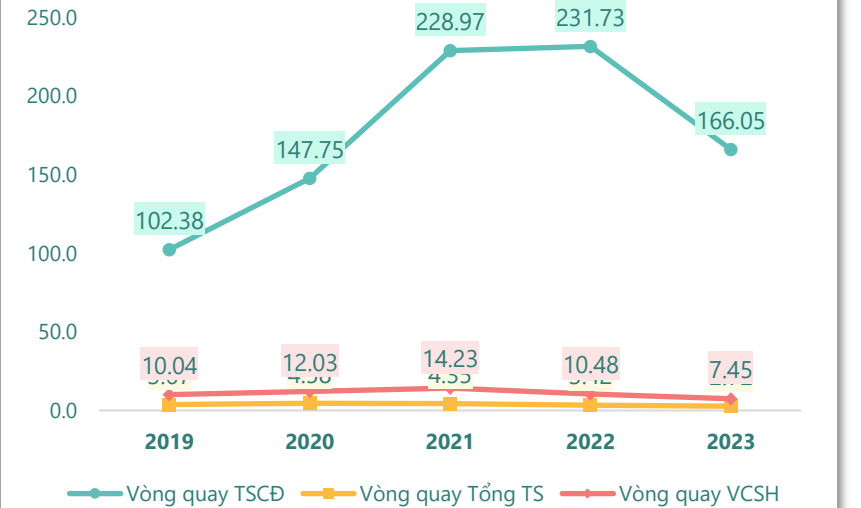
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



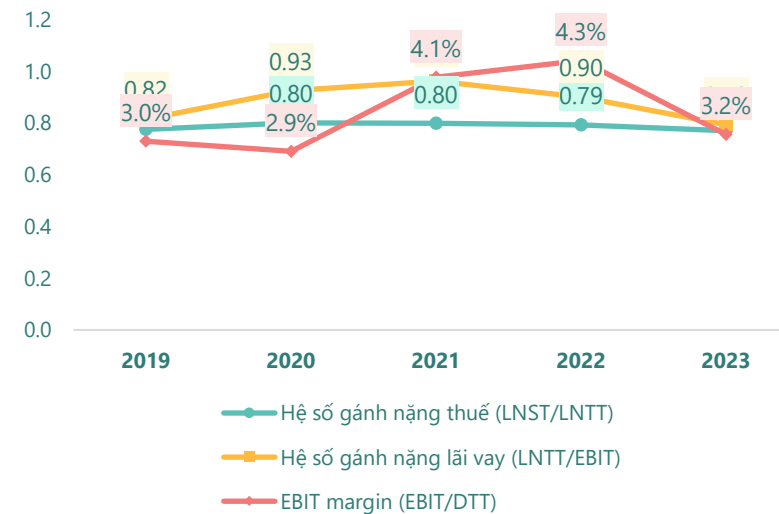
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



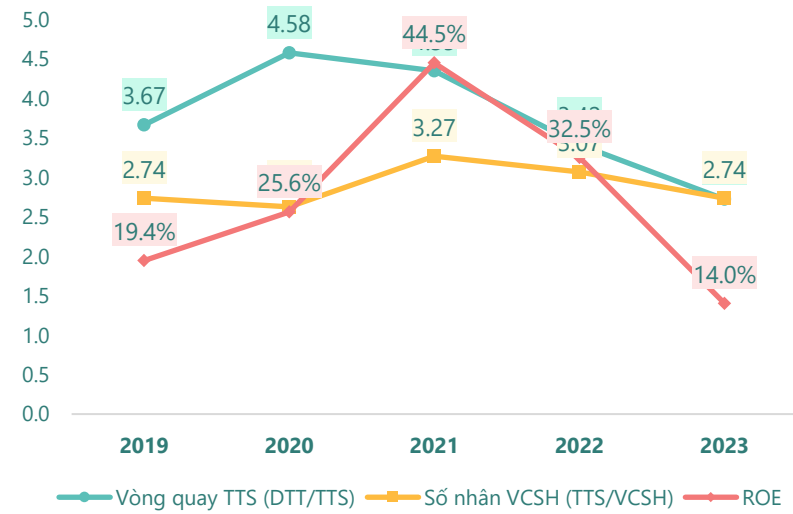
(Nguồn: fireant.vn)

Hệ số gánh nặng thuế và lãi vay



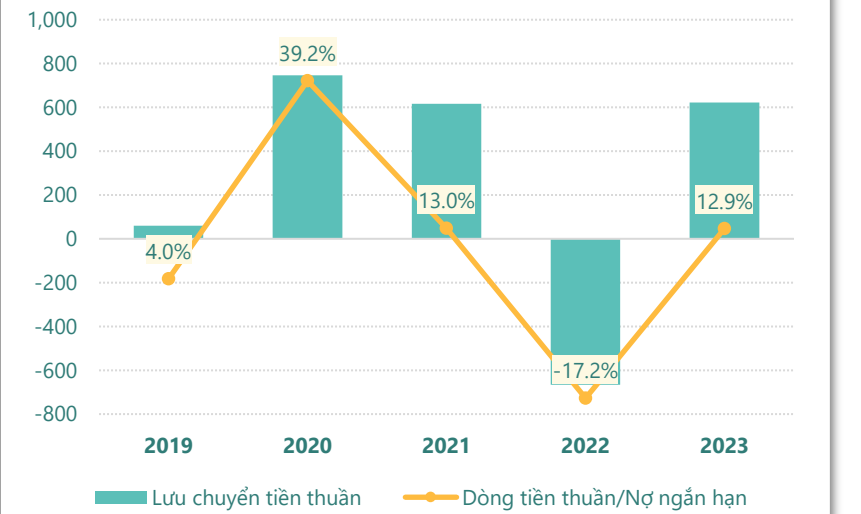
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản và ROE



(Nguồn: fireant.vn)

Dòng tiền thuần trên Nợ ngắn hạn



(Nguồn: fireant.vn)

**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q1/24	Q1/23	Thay đổi YoY	2023	2022	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	4,985	3,960	25.9%	18,817	22,028	-14.6%
Giá vốn hàng bán	4,597	3,699	24.3%	17,258	20,365	-15.3%
Lợi nhuận gộp	388	261	48.7%	1,559	1,663	-6.2%
Doanh thu HĐTC	24.0	37.0	-35.1%	195	209	-6.9%
Chi phí TC	21.9	26.6	-17.7%	139	144	-3.2%
Chi phí lãi vay	17.9	24.1	-25.5%	122	94.5	29.4%
LN trong công ty LKLD	-0.21	-2.19	90.5%	-3.06	-1.83	-67.8%
Chi phí bán hàng	214	118	81.7%	944	722	30.7%
Chi phí QLDN	54.6	45.5	20.0%	198	136	46.1%
LN thuần từ HĐKD	121	105	15.3%	469	868	-45.9%
Lợi nhuận khác	-2.06	1.55	-233%	1.23	-5.69	122%
LN trước thuế	119	107	11.2%	471	862	-45.4%
Lợi nhuận sau thuế	93.2	81.9	13.8%	363	684	-47.0%
LNST của CĐ cty mẹ	92.5	79.4	16.5%	354	684	-48.2%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q4/22	Q1/23	Q2/23	Q3/23	Q4/23	Q1/24
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	261	-538	471	681	-45.5	-677
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-3.96	19.1	-32.1	-23.5	-80.6	-1.23
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-417	-180	396	-58.6	14.2	61.1
Tiền đầu kỳ	987	828	129	963	1,562	1,450
Lưu chuyển tiền thuần	-159	-699	835	599	-112	-617
Ảnh hưởng tỷ giá	0.25	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	828	129	963	1,562	1,450	833

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 31/3/2024	Tại ngày 31/12/2023	Thay đổi
Tổng tài sản	6,902	7,459	-7.5%
Tài sản ngắn hạn	6,287	6,802	-7.6%
Tiền và tương đương tiền	833	1,450	-42.6%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	2,285	2,167	5.4%
Hàng tồn kho	2,945	3,016	-2.4%
Tài sản ngắn hạn khác	225	168	33.5%
Tài sản dài hạn	615	657	-6.3%
Phải thu dài hạn	18.2	14.9	22.7%
Tài sản cố định	128	131	-2.3%
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	14.9	14.9	0.0%
Đầu tư tài chính dài hạn	18.6	18.8	-1.1%
Tài sản dài hạn khác	92.5	124	-25.6%
Lợi thế thương mại	343	353	-2.7%
Nợ phải trả	4,183	4,832	-13.4%
Nợ ngắn hạn	4,169	4,816	-13.4%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,383	2,321	2.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,117	1,530	-27.0%
Nợ dài hạn	14.2	16.2	-12.0%
Vay và nợ thuê dài hạn	5.50	5.50	0.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	2,719	2,627	3.5%
Vốn chủ sở hữu	2,719	2,627	3.5%
Vốn điều lệ	1,672	1,672	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

